TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/KDTM-PT
Ngày: 17/01/2025
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm
Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 15 và 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 224/2024/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2024 về: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 10 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6104/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18323/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V
Địa chỉ: Cảng T, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân M – Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị H và/hoặc bà Trần Thị Thanh T và/hoặc ông Trần Văn T và/hoặc ông Trần Sách G và/hoặc bà Nguyễn Ngọc Quỳnh N.
Cùng địa chỉ: 1045A đường H, phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 312/GUQ-VTT ngày 03/12/2024).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty Cổ phần V: Ông Hoàng Cao S, Luật sư Đoàn Luật sư Việt Nam.
- Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B
Địa chỉ: Tầng 5-6, Số 21 C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Uông Đông H – Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hương L, ông Trần Bình D và ông Nguyễn Đức A (Theo Giấy ủy quyền số 1471/2024/GUQ-M ngày 24/6/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đặng Thị H trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 10/5/2024 như sau:

Ngày 20/5/2021, Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Bảo hiểm M (sau đây gọi tắt là Bảo hiểm M) ký Hợp đồng Bảo hiểm Tàu thủy nội địa số 969/21/HD-TT/001-HH. Căn cứ theo hợp đồng đã được ký kết, Bảo hiểm M đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền số 808/21/HĐ-TT.2/001-HH cho tàu mang tên Tân Cảng 36 với các mức phí bảo hiểm:

Loại hình trách nhiệm	Mức trách nhiệm	Phí bảo hiểm	Thuế VAT	Số tiền thanh toán
Thân tàu	16.696.902.750 đồng	59.198.109 đồng	5.919.811 đồng	65.117.920 đồng
TNDS chủ tàu (bao gồm hàng hóa)	5.000.000.000 đồng	125.290.509 đồng	12.529.051 đồng	137.819.560 đồng
Tai nạn thuyền viên	50.000.000 đồng/người/vụ	840.000 đồng		840.000 đồng
Tổng cộng		185.328.618 đồng	18.448.862 đồng	203.777.480 đồng

Ngày 09/6/2021, Bảo hiểm M gửi cho Công ty V Thông báo thu phí số …/2021/M-HCM, thông báo về việc thu phí bảo hiểm cho Hợp đồng 969/21/HD-TT/001-HH và Hợp đồng 34392/21/EHD-XE/001-HH, thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 30/6/2021, tổng phí bảo hiểm là 205.998.680 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi đồng). Ngày 09/6/2021, Bảo hiểm M đã xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 0006592 ngày 09/6/2021.

Ngày 22/6/2021, Công ty V đã thanh toán phí bảo hiểm là 205.998.680 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi đồng) qua số tài khoản của Bảo hiểm M, cụ thể: 1121100009008 tại Ngân hàng TMCP Q – CN B với nội dung: T/toán phí bảo hiểm phương tiện và tài sản T6/2021 HĐ 6591, 6592 theo đúng thời hạn thanh toán được đề cập tại thông báo thu phí số …/2021/M-HCM.

Ngày 22/6/2021, tàu Tân cảng 36 mang số hiệu BV3636 thuộc quyền sở hữu của Công ty V chở 90 container 40’ đã va chạm vào cầu cảng Bến cảng xăng dầu P thuộc Tổng kho xăng dầu P của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ tại địa phận ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Ngay sau khi phát sinh va chạm, Công

ty V đã gửi các công văn, thông báo và các tài liệu đính kèm về sự cố cho Bảo hiểm M được biết và đã phối hợp làm việc theo hướng dẫn của Công ty TNHH Giám định B – đơn vị giám định của Bảo hiểm M.

Ngày 09/7/2022, Công ty V tiếp tục có công văn số 177/VTT-KHKD đến Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q và Bảo hiểm M về việc hiệu lực bảo hiểm cho tàu Tân cảng 36. Sau đó, Công ty V và Bảo hiểm M đã nhiều lần gửi công văn phản hồi về sự cố tàu Tân cảng 36 và hiệu lực Hợp đồng 969/21/HD-TT/001-HH ký ngày 20/5/2021. Tuy nhiên, các bên chưa thống nhất được phương án giải quyết vướng mắc.

Ngày 23/02/2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q - đơn vị có trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại theo Chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền số 808/21/HĐ-TT.2/001-HH có công văn số 112/2023/M-GĐBTHH gửi Công ty V về việc giải quyết tổn thất trong vụ tàu Tân Cảng va chạm Cảng xăng dầu P ngày 22/6/2021 với nội dung Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH không còn hiệu lực pháp lý, tổn thất đâm va giữa tàu Tân Cảng 36 với Cảng xăng dầu Petimex xảy ra ngày 22/6/2021 không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của M với lý do Công ty V thanh toán sau ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán theo trích dẫn:

"4.3 Điều 4 Hợp đồng Bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH quy định: "Hiệu lực của bảo hiểm: Ngoài những điều quy định trong Luật kinh doanh bảo hiểm, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Bộ luật dân sự Việt Nam và điều kiện bảo hiểm áp dụng cho từng tàu, hiệu lực bảo hiểm cũng tự động chấm dứt khi:

Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điều 5 dưới đây của hợp đồng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác)".

"5.4 Thời hạn thanh toán: Trước ngày 20/6/2021".

5. Sau khi nhận được phản hồi từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q, Công ty V không đồng ý nội dung phản hồi của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q và đã nhiều lần gửi công văn đến Bảo hiểm M - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q, về việc đề nghị Bảo hiểm M phối hợp giải quyết các quyền và nghĩa vụ liên quan, phát sinh từ Hợp đồng Bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH mà Bảo hiểm M đã ký kết với Công ty V. Tuy nhiên, Bảo hiểm M không có thiện chí, hợp tác hay đưa ra bất kỳ phản hồi nào liên quan đến vụ việc làm ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V.

Căn cứ Hợp đồng Bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH đã được ký kết giữa Bảo hiểm M với Công ty V, Công ty V cho rằng:

Thứ nhất, Hợp đồng Bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH mà Bảo hiểm M đã ký kết với Công ty V được các bên thực hiện hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định pháp luật, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật tại thời điểm ký kết và được các bên tuân thủ thực hiện.

Thứ hai, Công ty V đã thực hiện đầy đủ các điều khoản, yêu cầu của hợp đồng, văn bản hướng dẫn của Bảo hiểm M đưa ra:

Căn cứ Khoản 4.3 Điều 4 Hợp đồng Bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH quy định: "Hiệu lực của bảo hiểm: Ngoài những điều quy định trong Luật kinh

doanh bảo hiểm, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Bộ luật dân sự Việt Nam và điều kiện bảo hiểm áp dụng cho từng tàu, hiệu lực bảo hiểm cũng tự động chấm dứt khi: Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điều 5 dưới đây của hợp đồng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác)".

Căn cứ Thông báo thu phí số …/2021/M-HCM, thông báo về việc thu phí bảo hiểm đối với Hợp đồng 969/21/HD-TT/001-HH và Hợp đồng 34392/21/EHD-XE/001-HH quy định "thời hạn thanh toán là trong tháng 6/2021".

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 quy định chấm dứt hợp đồng bảo hiểm "Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;".

Mặc dù, Công ty V đã nhiều lần thông báo đến Bảo hiểm M, nhưng Bảo hiểm M không có thiện chí giải quyết, vụ việc kéo dài dẫn đến xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V.

Công ty Cổ phần V đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc Công ty Bảo hiểm M - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q công nhận hiệu lực và thực hiện Hợp đồng Bảo hiểm Tàu thủy nội địa số 969/21/HD-TT/001-HH ngày 20/5/2021 theo đúng quy định của hợp đồng mà các bên ký kết cũng như quy định pháp luật bảo hiểm.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hương L trình bày: Ngày 20/5/2021, Công ty Cổ phần V và Công ty Bảo hiểm M (sau đây gọi tắt là M) ký kết Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 969/21/HD-TT/001-HH (HĐBH). Trong đó, các bên thỏa thuận:

- Đối tượng bảo hiểm: Thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa đối với tàu Tân Cảng 36, số đăng ký BV – 3636, trọng tải 3.790 tấn.

- Số tiền bảo hiểm:

+ Về thân tàu: Số tiền bảo hiểm: 16.696.902.750 đồng.

+ Về TNDS chủ tàu bao gồm hàng hóa: 5.000.000.000 đồng/vụ.

- Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm:

+ Về thân tàu: Điều kiện A Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-M ngày 01/01/2016 của M.

+ Về trách nhiệm dân sự chủ tàu: Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-M ngày 01/01/2016 của M.

- Phí bảo hiểm (bao gồm thuế GTGT):

+ Về thân tàu: 65.117.920 đồng.

+ Về TNDS chủ tàu: 137.819.560 đồng.

+ Về tai nạn thuyền viên: 840.000 đồng.

Tổng phí bảo hiểm thanh toán: 203.777.480 đồng.

- Thanh toán phí bảo hiểm theo Điều 5.4 của Hợp đồng bảo hiểm:

+ Thời hạn thanh toán: Trước ngày 20/6/2021.

"5.6. Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đầy đủ phí bảo hiểm cho Bên bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm như quy định nêu trên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán".

Căn cứ quy định nêu trên, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của Hợp đồng 969/21/HD-TT/001-HH được xác định chậm nhất là ngày 19/6/2021. Tuy nhiên, đến ngày 19/6/2021, M không nhận được phí bảo hiểm của Hợp đồng từ Công ty V.

Ngày 22/6/2021, xảy ra vụ va chạm giữa tàu Tân Cảng 36 với Cảng xăng dầu P tại huyện N, tỉnh Đồng Nai gây ra tổn thất. Ngay sau khi xảy ra tổn thất, Công ty V mới thanh toán phí bảo hiểm vào tài khoản của M Thành phố Hồ Chí Minh (là chi nhánh, địa điểm kinh doanh của M).

M và Công ty V không có bất kỳ thỏa thuận bằng văn bản nào về việc gia hạn thanh toán phí bảo hiểm. Do vậy, Công ty V đã vi phạm điều khoản thanh toán phí bảo hiểm. Căn cứ các điều kiện, điều khoản của hợp đồng bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH đã tự động chấm dứt hiệu lực bảo hiểm kể từ ngày 20/6/2021.

Công ty V đã phát hành các Công văn số 260/VB-VTT ngày 26/6/2021, Công văn số 177/VTT-KHKD ngày 09/7/2021 gửi M về việc hiệu lực bảo hiểm tàu Tân Cảng 30 tháng 6 năm 2021. Theo đó, Công ty V đã thừa nhận việc chậm thanh toán phí bảo hiểm và đề nghị M xem xét, chấp thuận việc duy trì hiệu lực hợp đồng bảo hiểm.

M đã có Thông báo số 1500/2021/M-TGĐ ngày 08/7/2021, Công văn số 112/2023/M-GĐBTHH ngày 23/02/2023 gửi tới Công ty V thông báo về việc tổn thất đâm va tàu Tân Cảng 36 xảy ra ngày 22/6/2021 không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của M do hợp đồng bảo hiểm không còn hiệu lực pháp lý. Đến nay các bên phát sinh tranh chấp, Công ty V đề nghị Tòa án buộc M công nhận hiệu lực và thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Quan điểm, ý kiến của M đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thứ nhất, M và Công ty V không tồn tại bất kỳ thỏa thuận nào về việc gia hạn thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng Thông báo thu phí số …/2021/M-HCM ngày 09/6/2021 của M gửi Công ty V là thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, M có ý kiến như sau: Thông báo thu phí ngày 09/6/2021 có nội dung như sau:

"- Căn cứ theo các Hợp đồng bảo hiểm được liệt kê dưới đây của Công ty Cổ phần V;

- Căn cứ theo thỏa thuận Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần V – Công ty Bảo hiểm M;".

Thông báo thu phí do M lập, không có chữ ký của Công ty V, không có bất kỳ điều khoản, thỏa thuận nào về việc gia hạn thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, không có bất kỳ điều khoản/nội dung nào xác nhận thỏa thuận của các Bên về việc Thông báo thu phí này là Phụ lục hợp đồng bảo hiểm.

Do vậy, Thông báo thu phí số…/2021/M-HCM ngày 09/6/2021 là văn bản thông báo để nhắc nhở nguyên đơn thanh toán phí bảo hiểm đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm, không phải là phụ lục hợp đồng và cũng không thể hiện ý chí của M đồng ý với nguyên đơn về việc được nợ phí hay gia hạn thời hạn thanh toán phí.

Pháp luật chỉ cho phép thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Theo quy định tại Điều 21 Thông tư 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành:

"Điều 21. Nguyên tắc xác định doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài

Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là các khoản thu theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, và được xác định theo các nguyên tắc sau:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

1.1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hạch toán khoản thu phí bảo hiểm gốc vào doanh thu khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm, cụ thể như sau:

c) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn). Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần: Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp thời hạn bảo hiểm dưới 30 ngày, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm.

- Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ: Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

- Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d điểm 1.1 khoản này, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm (quy định này không áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm con người). Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài được hưởng doanh thu phí bảo hiểm tương ứng với thời gian hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm".

Căn cứ theo quy định viện dẫn, pháp luật đã quy định rất rõ việc dù đóng phí bảo hiểm một lần hay đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì pháp luật quy định chỉ cho phép thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH thuộc trường

hợp đóng phí bảo hiểm một lần (thể hiện tại Điểm 5.4 của HĐBH) và thời hạn bắt đầu bảo hiểm là 08 giờ ngày 20/5/2021 (thể hiện tại Điểm 6.1 của HĐBH), do đó 30 ngày nộp phí được tính từ ngày 20/5/2021 và hạn cuối cùng nộp phí là ngày 19/6/2021. Việc thỏa thuận tại Điểm 6.1 HĐBH đã tuân thủ quy định Thông tư 50/2017/TT-BTC nêu trên. Sau 30 ngày mà bên mua bảo hiểm không nộp phí, HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực bảo hiểm khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Pháp luật quy định việc nợ phí được áp dụng khi đáp ứng các điều kiện sau đây: (tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 21 Thông tư 50/2017/TT-BTC).

"d) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm, việc nợ phí phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm và chỉ được áp dụng khi bên mua bảo hiểm có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm.". Theo đó, thỏa thuận nợ phí bảo hiểm có hiệu lực pháp lý khi đáp ứng 02 điều kiện sau:

1) Có thỏa thuận nợ phí và phải được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

2) Có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm.

M không có bất kỳ thỏa thuận nào cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm. M không thông báo và không tiếp nhận bất kỳ trao đổi nào với nguyên đơn về việc yêu cầu nguyên đơn cung cấp bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm hoặc tài sản đảm bảo để đảm bảo cho việc nợ phí bảo hiểm. Thông báo thu phí số…/2021/M-HCM ngày 09/6/2021 không phải là thỏa thuận nợ phí vì nó không được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH.

Tương tự như quy định của pháp luật nêu trên, Điều 6 của HĐBH, hiệu lực bảo hiểm quy định mọi thỏa thuận về hiệu lực, thời hạn bảo hiểm phải được lập thành văn bản giữa các bên, cụ thể:

" Điều 6. Thời hạn bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm

6.2. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.2.3. Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;".

Sau khi nhận được Công văn thông báo từ chối bồi thường của M, Công ty V đã phát hành các Công văn số 260/VB-VTT ngày 26/6/2021, Công văn số 177/VTT-KHKD ngày 09/7/2021 gửi M về việc hiệu lực bảo hiểm tàu Tân Cảng 36 tháng 6/2021. Theo đó, Công ty V đã thừa nhận việc chậm thanh toán phí bảo hiểm và đề nghị M xem xét, chấp thuận việc duy trì hiệu lực HĐBH. Từ các căn cứ nêu trên, M khẳng định pháp luật bảo hiểm không cho phép việc nộp phí bảo hiểm quá 30 ngày kể từ khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm và M và bên mua bảo hiểm cũng không tồn tại thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán phí hoặc nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Thứ hai, về quan điểm của nguyên đơn cho rằng việc nộp phí bảo hiểm không đúng thời hạn do sự kiện bất khả kháng là dịch bệnh Covid 19.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015, sự kiện bất khả khảng được định nghĩa như sau: "Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép".

Bị đơn viện dẫn Quyết định giám đốc thẩm số: 26/2023/DS-GĐT ngày 12/7/2023 v/v Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Theo đó, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xác định dịch bệnh Covid 19 không phải là sự kiện bất khả kháng (Tài liệu tham khảo này đã được bị đơn cung cấp cho Tòa án).

Hiện nay không có bất cứ quy định, văn bản nào cho rằng Covid 19 là sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, bị đơn viện dẫn thêm thông tin về tình hình dịch Covid 19 tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua công bố của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố HCM tại https://www.hcdc.vn/0-gio-ngay-3152021-thuc-hien-gian-cach-xa-hoi-toan-thanh-pho-ho-chi-minh-5aabdad953634b57ce4a85dda8096cad.html.

"Kể từ 0 giờ, ngày 31/5/2021, giãn cách xã hội toàn Thành phố sẽ được thực hiện theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong vòng 15 ngày; riêng quận Gò Vấp và phường Thạnh Lộc, Quận 12 sẽ thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. … Người dân cần tuân thủ thực hiện việc đeo khẩu trang tại nơi công cộng và nơi làm việc, hạn chế ra ngoài nếu không thật sự cần thiết; người trên 60 tuổi ở nhà toàn thời gian; hạn chế đến các cơ sở khám chữa bệnh trừ trường hợp thật cần thiết; không tụ tập trên 05 người ở bên ngoài các công sở, trường học, bệnh viện và nơi công cộng; giữ khoảng cách tối thiểu 02 mét giữa người với người tại nơi công cộng. Khi có triệu chứng, yếu tố dịch tễ liên quan đến dịch bệnh COVID-19, người dân phải đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được khám, sàng lọc theo quy định và khai báo y tế trung thực, tuyệt đối không che giấu tình trạng bệnh của mình". (Tài liệu tham khảo này đã được bị đơn cung cấp cho Tòa án).

Như vậy, từ ngày 31/5/2021, Thành phố Hồ Chí Minh không còn thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16. Các cơ quan, công sở đã trở lại làm việc. Điều đó cho thấy rằng, tại thời điểm nguyên đơn thanh toán chậm phí bảo hiểm, dịch Covid 19 không còn là sự kiện khách quan, không thể lường trước được. Cán bộ nhân viên của Công ty V đã đi làm trở lại. Đồng thời, việc thực hiện thanh toán phí bảo hiểm thực tế được thực hiện qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Nguyên đơn đã nhận được Thông báo thu phí kèm hóa đơn VAT ngày 09/6/2021. Nguyên đơn đáng lẽ phải chủ động sắp xếp việc thực hiện thanh toán phí bảo hiểm từ thời điểm nhận được thông báo thu phí nhưng đã không thực hiện. Do vậy, việc nguyên đơn viện dẫn dịch Covid -19 cản trở việc thanh toán phí bảo hiểm là không có cơ sở.

Thứ ba, về việc áp dụng Án lệ 37/2020/AL là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Án lệ số 37/2020/AL về hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm tài sản trong trường hợp bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm sau khi kết thúc thời hạn đóng phí bảo hiểm. Án lệ số 37/2020/AL được công bố theo Quyết định 50/QĐ-CA ngày 25/02/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tình huống án lệ: "Sau khi kết thúc thời hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, bên mua bảo hiểm mới đóng phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không có ý kiến gì, không có văn bản thông báo cho bên mua bảo hiểm về việc chấm dứt hợp đồng mà vẫn nhận phí bảo hiểm, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và báo cáo thuế về khoản tiền đóng phí bảo hiểm. Sau đó, sự kiện bảo hiểm xảy ra.Trường hợp này, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm."

Án lệ số 37/2020/AL ngày 05/02/2020 dùng để xem xét, áp dụng với các vụ án tranh chấp mà sự kiện bảo hiểm xảy ra sau khi bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Tuy nhiên, trong vụ án này, khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra (ngày 22/6/2021), nguyên đơn mới thanh toán phí bảo hiểm cho bị đơn.

Về việc trả lại phí bảo hiểm: Ngày 09/7/2021, M đã có Công văn số 616/2021/M-HCM gửi Công ty V đề nghị Công ty V cung cấp số tài khoản để M trả lại phí bảo hiểm do HĐBH đã chấm dứt hiệu lực và M không tiếp tục bảo hiểm theo HĐBH. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nguyên đơn chưa cung cấp số tài khoản để bị đơn thực hiện việc trả phí. Từ các phân tích nêu trên, bị đơn khẳng định việc áp dụng Án lệ số 37/2020/AL không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

Thứ tư, chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và khôi phục hiệu lực bảo hiểm đã được các bên quy định cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm.

Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm. Theo quy định tại khoản 5.4 Điều 5 HĐBH, các Bên thỏa thuận thời hạn thanh toán trước ngày 20/6/2021.

Căn cứ khoản 5.6 Điều 5 HĐBH, M và Công ty V đã thỏa thuận hậu quả pháp lý của việc chậm thanh toán phí bảo hiểm như sau:

"5.6. Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đầy đủ phí bảo hiểm cho Bên bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm như quy định nêu trên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán".

Căn cứ Điều 6 của HĐBH, hiệu lực bảo hiểm quy định như sau:

" Điều 6. Thời hạn bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm

6.2. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.2.3. Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;

Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 21 Thông tư 50/2017/TT-BTC quy định:

"Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d

điểm 1.1 khoản này, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm".

Căn cứ Điều 23 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, 2010 quy định:

"Điều 23. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm:

Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

2. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;".

Như vậy, pháp luật đã quy định cũng như việc các Bên đã thỏa thuận đúng quy định pháp luật khi Công ty V chậm thanh toán phí bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực bảo hiểm. Thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự 2015 về trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận của các Bên.

Đồng thời, căn cứ thỏa thuận nêu trên, bị đơn không có nghĩa vụ phát hành bất kỳ thông báo nào cho nguyên đơn về việc HĐBH chấm dứt hiệu lực.

Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của Hợp đồng 969/21/HD-TT/001-HH được xác định chậm nhất là ngày 19/6/2021. Tuy nhiên, đến ngày 19/6/2021, M không nhận được phí bảo hiểm của Hợp đồng từ nguyên đơn. Đồng thời, như đã trình bày tại các nội dung nêu trên, không có bất kỳ thỏa thuận bằng văn bản nào giữa nguyên đơn và M về việc gia hạn thanh toán/nợ phí bảo hiểm. Việc chậm thanh toán phí của nguyên đơn cũng không phải do sự kiện bất khả kháng.

Do đó, căn cứ điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH và các quy định pháp luật nêu trên, HĐBH đã tự động chấm dứt hiệu lực bảo hiểm kể từ ngày 20/6/2021.

Khôi phục hiệu lực bảo hiểm. Khôi phục hiệu lực bảo hiểm được quy định/thỏa thuận tại Điều 5.7, 5.8 của HĐBH.

"5.7. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại Khoản 5.6 nêu trên, nếu sau đó Bên mua bảo hiểm có văn bản yêu cầu khôi phục hiệu lực của hợp đồng, với điều kiện chưa có bất cứ tổn thất nào xảy ra kể từ thời điểm hợp đồng bảo hiểm tự chấm dứt hiệu lực đến thời điểm khôi phục hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm đến hạn thanh toán theo quy định và được bên bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản.

5.8. Bên bảo hiểm sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất phát sinh và hoàn trả lại bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm tương ứng trong thời gian hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt".

Công ty V chậm thanh toán phí bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực bảo hiểm từ ngày 20/6/2021. Công ty V đóng phí vào ngày 22/6/2021, theo quy định trên thì HĐBH có thể sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm nộp phí tức là ngày 22/6/2021 với điều kiện chưa có bất cứ tổn thất nào xảy ra kể từ thời điểm hợp đồng bảo hiểm tự chấm dứt hiệu lực đến thời điểm khôi phục hiệu

lực của hợp đồng và chỉ được khôi phục khi M có văn bản chấp thuận đồng ý khôi phục. Vụ việc này, tổn thất đã xảy ra trong thời gian chấm dứt hiệu lực nên việc đóng phí bảo hiểm vào ngày 22/6/2021 cũng không đủ điều kiện, căn cứ để khôi phục hiệu lực bảo hiểm tiếp từ khi đóng phí đến hết thời hạn bảo hiểm ngày 20/5/2022.

Ngoài ra, theo Điểm 5.8 HĐBH nêu trên, M sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất phát sinh và hoàn trả lại bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm tương ứng trong thời gian hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt. Điều này có nghĩa là từ ngày 20/6/2021 đến ngày 22/6/2021, M sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất phát sinh trong khoảng thời gian này.

Từ những căn cứ và lập luận nêu trên, Bảo hiểm Q - M đề nghị Tòa xem xét bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH đã hết hiệu lực kể từ ngày 20/6/2021 nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho M.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH ngày 20/5/2021 chấm dứt theo thỏa thuận tại điểm 5.6 Điều 5 được ký kết giữa Công ty cổ phần vận tải thủy Tân Cảng và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2024, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên phát biểu ý kiến giữ nguyên yêu cầu và các trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Công ty V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 10.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 13/8/2024, Toà án nhân dân Quận 10 ban hành Bản án số 50/2024/KDTM-ST. Ngày 20/8/2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo. Do người kháng cáo có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của công ty cổ phần V là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm đối với bị đơn là Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Q có chi nhánh là Công ty Bảo hiểm M, địa chỉ tại Tầng 6, 7 Tòa nhà 198A, Đường 3, Phường 12, Quận 10 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không toàn diện, đánh giá thiếu khách quan đối với vụ án cụ thể:

[3.1] Nguyên đơn cho rằng nội dung Thông báo thu phí của Bảo hiểm M là đề nghị sửa đổi Hợp đồng và có giá trị ràng buộc trách nhiệm của Bảo hiểm M, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này như sau:

Ngày 20/5/2021, công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là công ty V) và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Q (chi nhánh Công ty Bảo hiểm M – sau đây gọi tắt là M) ký hợp đồng bảo hiểm tàu thủy nội địa số 969/21/HD-TT/001-HH (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 969. Hợp đồng các bên thỏa thuận M sẽ bảo hiểm cho thân tàu số tiền 16.696.902.750 đồng và trách nhiệm dân sự chủ tàu bao gồm hàng hóa 5.000.000.000đ/vụ. Đối tượng bảo hiểm là tàu Tân Cảng 36, số đăng kiểm V72-00655. Các bên thỏa thuận phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm theo Điều kiện A Quy tắc bảo hiểm thân tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-M của M ngày 01/01/2016 và Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-M ngày 01/01/2016. Phí bảo hiểm công ty V phải thanh toán là 65.117.920 đồng đối với thân tàu, 137.819.560 đồng đối với trách nhiệm dân sự chủ tàu và 840.000.000 đồng đối với tai nạn thuyền viên. Tổng phí bảo hiểm thanh toán 203.777.480 đồng. Các bên thỏa thuận tại điểm 5.4 Điều 5 Hợp đồng 969 là trước ngày 20/6/2021 và thanh toán một lần bằng chuyển khoản. Ngày 09/6/2021, M gửi thông báo thu phí không số về việc thông báo Công ty V thanh toán số tiền bảo hiểm là 205.998.680 đồng. Nội dung thông báo thu phí có thể hiện "*Thời hạn thanh toán: Trong tháng 06/2021"*. Nguyên đơn cho rằng nội dung thông báo này là một đề nghị thỏa thuận sửa đổi hợp đồng do bị đơn chủ động đề xuất và nguyên đơn không phản đối nên thỏa thuận này là một phần của Hợp đồng 969. Xét thông báo thu phí nêu trên của M không chỉ đối với Hợp đồng 969 mà còn đối với Hợp đồng 34392, thông báo cũng nêu "*căn cứ theo các Hợp đồng bảo hiểm được liệt kê dưới đây…"*. Hợp đồng 969 và Hợp đồng 34392 (không tranh chấp trong vụ án này) có thời hạn thanh toán phí bảo hiểm khác nhau. Vì vậy, bản chất của thông báo này chỉ là nhắc nhở của M đề nghị Công ty V thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm.

Thông báo đã ghi nhận hai nội dung "*thời hạn thanh toán: Trong tháng 6/2021"* và "*căn cứ theo các Hợp đồng bảo hiểm được liệt kê"*. Như vậy, Thời hạn thanh toán phải được hiểu theo từng Hợp đồng bảo hiểm được liệt kê. Tại thông báo này không có nội dung nào thỏa thuận về việc kéo dài thời hạn thanh toán phí sửa đổi so với thỏa thuận của Hợp đồng 969. Do đó, Thông báo thu phí này không phải là đề nghị sửa đổi bổ sung hợp đồng và cũng không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ nào của các bên trong Hợp đồng 969. Ý kiến của nguyên đơn cho rằng nội dung Thông báo thu phí của Bảo hiểm M là đề nghị sửa đổi Hợp đồng và có giá trị ràng buộc trách nhiệm của Bảo hiểm M là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với Thông báo thu phí này, nguyên đơn còn cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không công bằng khi chấp nhận thông báo có hiệu lực đối với Hợp đồng 34392 có lợi cho bị đơn mà không chấp nhận có hiệu lực đối với Hợp đồng 969 khi bất lợi cho bị đơn. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, các bên không tranh chấp đối với Hợp đồng 34392 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét và thực tế Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng không xem xét đối với hợp đồng 34392. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không công bằng, thiên vị cho bị đơn.

[3.2] Nguyên đơn đề nghị áp dụng Án lệ số 37/2020/AL, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này như sau:

Án lệ số 37/2020/AL đã đặt ra tình huống sau khi kết thúc thời hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bên mua bảo hiểm mới đóng phí, doanh nghiệp bảo hiểm không có ý kiến gì, không có văn bản thông báo cho bên mua bảo hiểm về việc chấm dứt hợp đồng mà vẫn nhận phí bảo hiểm, xuất hóa đơn và báo cáo thuế về khoản tiền đóng phí bảo hiểm, sau đó sự kiện bảo hiểm xảy ra. Trong trường hợp này, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm.

Xét tình huống cụ thể vụ tranh chấp này: Thời hạn đóng phí bảo hiểm là trước ngày 20/6/2021, như đã nhận định ở trên, các bên không có thỏa thuận nào sửa đổi thời hạn này. Cùng ngày 22/6/2021, Công ty V đóng phí bảo hiểm vào lúc 16 giờ 48 phút nhưng sự kiện bảo hiểm xảy ra vào lúc 11 giờ 50 phút. Ngày 09/7/2021, Bảo hiểm M đã có công văn số 616/2021/M-HCM gửi công ty V đề nghị công ty V cung cấp số tài khoản để M trả lại phí bảo hiểm nhưng do công ty V không cung cấp nên M chưa hoàn trả được. Như vậy, đối chiếu với tình huống Án lệ đưa ra thì điểm khác biệt lớn nhất giữa hai trường hợp là tình huống ở Án lệ thì sự kiện bảo hiểm xảy ra sau khi đóng phí bảo hiểm còn tình huống vụ tranh chấp này sự kiện bảo hiểm xảy ra trước khi đóng phí bảo hiểm. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc áp dụng Án lệ số 37 trong việc giải quyết vụ án.

[3.3] Nguyên đơn cho rằng cần được xem xét việc thanh toán sau thời hạn ấn định ban đầu theo Hợp đồng bảo hiểm là thói quen thương mại đã được hình thành từ trước, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này như sau:

Nguyên đơn liệt kê nhiều hợp đồng bảo hiểm giữa công ty V và M thể hiện mặc dù thời hạn đóng phí bảo hiểm đã hết theo thỏa thuận hợp đồng nhưng khi công ty V nộp phí bảo hiểm thì M vẫn nhận và tiếp tục hợp đồng mặc dù các bên không ký thỏa thuận bổ sung nào, các bên không có bất kỳ tranh chấp nào đối với

các hợp đồng này. Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật Thương mại thì "*Thói quen trong hoạt động thương mại là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài giữa các bên, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thương mại".* Nội dung Điều Luật đã nêu rõ thói quen trong hoạt động thương mại phải được hình thành và lặp lại nhiều lần trong hợp đồng thương mại. Thói quen đóng phí trễ hạn mà công ty V đề cập đến là trong nhiều Hợp đồng bảo hiểm với M. Còn hợp đồng cụ thể các bên tranh chấp là Hợp đồng 969 các bên chỉ thỏa thuận một lần về thời hạn đóng phí cũng như công ty V đóng phí trễ hạn một lần. Không có nội dung lặp đi lặp lại việc trễ hạn đóng phí này và cũng không được M mặc nhiên thừa nhận. Ngược lại, các bên đã thỏa thuận cụ thể về thời hạn đóng phí bảo hiểm cùng các tình huống phát sinh của trách nhiệm bảo hiểm khi chưa đóng phí hoặc không đóng phí tại các mục 5.5, 5.6 và 5.7 của Hợp đồng 969 như sau:

"*5.5 Trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ, chưa đến kỳ nộp phí, thì Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm nộp toàn bộ số phí bảo hiểm chưa thanh toán của riêng chiếc tàu đó cho Bên bảo hiểm trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm gửi thông báo về việc tàu bị tổn thất toàn bộ trước khi Bên bảo hiểm xem xét bồi thường. Trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu cảu Bên mua bảo hiểm, phí bảo hiểm có thể được Bên bảo hiểm xem xét, khấu trừ vào giá trị bồi thường khi Bên bảo hiểm tiến hành bồi thường cho Bên mua bảo hiểm.*

5.6 Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm không đóng hoặc đóng không đầy đủ phí bảo hiểm cho Bên bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm như quy định nêu trên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp của kỳ phí đến hạn thanh toán."

Do đó, các tài liệu là các hợp đồng bảo hiểm khác cùng chứng từ thanh toán của các hợp đồng này mà công ty V viện dẫn không được xem là căn cứ để xác định các bên có thói quen trong hoạt động thương mại về việc chấp nhận tự động gia hạn thời gian đóng phí bảo hiểm đối với Hợp đồng 969.

Ngoài ra, tại Điều 6 Hợp đồng 969 các bên đã thỏa thuận "*6.2 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:*

6.2.3 Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;"

Như vậy, các bên đã thỏa thuận rõ trường hợp có gia hạn thời hạn đóng bảo hiểm phải được lập bằng văn bản giữa các bên. Như đã nhận định, các bên không có thỏa thuận nào bằng văn bản về việc gia hạn đóng phí bảo hiểm. Bên cạnh đó, tại Công văn số 177/VTT-KHKD ngày 09/7/2021 của công ty V gửi M có nội dung thừa nhận việc chậm thanh toán phí bảo hiểm. Từ những nhận định ở trên, có cơ sở để xác định các bên không có thỏa thuận về việc gia hạn đóng phí bảo hiểm, nguyên đơn đã đóng phí bảo hiểm trễ hạn và sau thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và khách quan toàn bộ tài liệu chứng cứ cũng như lập luận của các bên tại phiên tòa và ban hành bản án đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 3 Điều 38, điểm b Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 404, Khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Căn cứ Án lệ số 37/2020/AL theo Quyết định 50/QĐ-CA ngày 25/02/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – công ty Cổ phần vận tải thủy Tân Cảng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Hợp đồng bảo hiểm số 969/21/HD-TT/001-HH ngày 20/5/2021 chấm dứt theo thỏa thuận tại điểm 5.6 Điều 5 được ký kết giữa Công ty cổ phần vận tải thủy Tân Cảng và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm.

2. Về án phí sơ thẩm: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, Công ty cổ phần vận tải thủy Tân Cảng phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0020220 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần V đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần V phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020570 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần V đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trương Thị Quỳnh Trâm	**Hoàng Thị Bích Thảo**	**Phùng Thị Như Mai**